

**BÁO CÁO**

**Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2021**

Thực hiện Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; Văn bản số 356/SKHĐT-ĐTTĐGSĐT ngày 10/02/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm 2021, UBND huyện báo cáo tình hình giám sát và đánh giá đầu tư năm 2021 như sau:

**I. Tình hình ban hành các văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền:**

**1. Các văn bản hướng dẫn được ban hành trong kỳ báo cáo:**

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên, từ đầu năm 2021 đến nay, UBND huyện đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền, cụ thể:

- Văn bản số 636/UBND-TH ngày 26/4/2021 của UBND huyện về việc triển khai Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025;

- Văn bản số 866/UBND-TH ngày 24/5/2021 của UBND huyện về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện;

- Văn bản số 1011/UBND-KTTH ngày 10/6/2021 của UBND huyện về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022;

- Văn bản số 1643/UBND-KTTH ngày 12/8/2021 của UBND huyện về việc đơn đốc giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021 và lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư 6 tháng đầu năm 2021.

- Văn bản số 2375/UBND-KTTH ngày 26/10/2021 của UBND huyện về việc tăng cường tổ chức lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

- Văn bản số 2373/UBND-KTTH ngày 26/10/2021 của UBND huyện về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu.

- Văn bản số 2374/UBND-KTTH ngày 26/10/2021 của UBND huyện về việc rà soát, hoàn thiện thủ tục đầu tư kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022.

- Văn bản số 3101/UBND-KTTH ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc triển khai Nghị định số 99/2021/NĐ-CP về quản lý, thanh toán, quyết toán dự



án vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC quy định hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

## **2. Đánh giá sơ bộ tác động các văn bản đối với việc quản lý đầu tư:**

Việc ban hành các văn bản đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư. Công tác quản lý đầu tư các công trình XDCB trên địa bàn huyện ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ và tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

## **II. Tình hình quản lý quy hoạch**

Từ đầu năm 2021 đến nay, công tác lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các quy hoạch trên địa bàn huyện được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quy hoạch và các Nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật. Công tác quản lý quy hoạch ngày càng được hoàn thiện và nâng cao.

Việc quản lý đầu tư xây dựng được đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không có công trình triển khai đầu tư xây dựng vi phạm vào quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt.

## **III. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư**

### **1. Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư.**

Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương UBND huyện được giao quản lý đầu tư năm 2021 (không bao gồm vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021) là 107,142 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách nhà nước là 96,085 tỷ đồng, cụ thể:

- Vốn ngân sách trung ương đầu tư 38 tỷ đồng (vốn hỗ trợ Chương trình mục tiêu).

- Vốn ngân sách tỉnh đầu tư 18,490 tỷ đồng, cụ thể: Nguồn cân đối ngân sách tỉnh đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương là 10,490 tỷ đồng; nguồn tiền sử dụng đất là 08 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách huyện đầu tư 50,145 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách tỉnh phân cấp huyện đầu tư là 28,369 tỷ đồng; vốn tiền sử dụng đất là 15,5 tỷ đồng; vốn kết dư ngân sách là 6,276 tỷ đồng.

b) Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư là 0,507 tỷ đồng.

### **2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021**

Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao, UBND huyện đã phân bổ vốn chi tiết cho 27 dự án, chương trình, cụ thể:

#### **2.1 Tình hình thực hiện:**

##### **2.1.1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương (01 dự án chuyển tiếp):**

- Dự án Đường liên xã Ia Băng - Ia Vê huyện Chư Prông (quy mô đường giao thông cấp A dài 22,799 km, điểm đầu tỉnh lộ 665 điểm cuối cụm 3 xã Ia Vê; công trình thoát nước và các hạng mục phụ), có tổng mức đầu tư là 80 tỷ đồng,



tổng vốn bố trí theo kế hoạch là 73,252 tỷ đồng, trong đó: Tổng số vốn đã bố trí trong giai đoạn 2016-2020 là 35,252 tỷ đồng (đã giải ngân 100% kế hoạch); kế hoạch vốn năm 2021 UBND tỉnh giao để hoàn thành dự án tại Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 và Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 là 38 tỷ đồng. Đến nay công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

\* Giá trị giải ngân đến 31/01/2022 là 38/38 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch 2021 được giao).

### **2.1.2. Nguồn vốn ngân sách tỉnh (01 dự án và 01 chương trình khởi công mới năm 2021):**

- Dự án Đường Phan Bội Châu thị trấn Chư Prông (quy mô tuyến đường dài 140,7m, Bn=9m; Bm=7m; trong đó có 01 cầu bê tông cốt thép dài 34,7m, rộng 10m và các hạng mục phụ), dự án có tổng mức đầu tư là 14,5 tỷ đồng, thời gian dự kiến hoàn thành năm 2022, kế hoạch vốn năm 2021 UBND tỉnh giao tại Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 là 8 tỷ đồng. Hiện công trình đang triển khai thi công theo tiến độ được duyệt.

\* Giá trị giải ngân đến 31/01/2022 là 8/8 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch được giao).

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương là 10,490 tỷ đồng. Ngày 15/9/2021, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1981/QĐ-UBND về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2021 cho 50 công trình. Hiện các công trình đã nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng.

\* Giá trị giải ngân đến 31/01/2022 là 10,490/10,490 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch được giao).

### **2.1.3. Ngân sách huyện:**

Phân bổ vốn đầu tư cho 23 công trình (11 công trình dự kiến khởi công mới năm 2022 giai đoạn chuẩn bị đầu tư; 01 công trình chuyển tiếp; 08 công trình khởi công mới năm 2021; 03 nhiệm vụ quy hoạch) và đối ứng chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2021 là 50,145 tỷ đồng, giá trị giải ngân 31/01/2022 là 43,058/50,145 tỷ đồng, đạt 86%KH.

### **2.1.4. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư:**

Phân bổ vốn đầu tư cho 01 công trình là 507 triệu đồng, giá trị giải ngân đến 31/01/2022 là 500/507 triệu đồng, đạt 98,6%KH.

## **2.2. Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021:**



Tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 đến ngày 31/01/2022 là 100,048/107,142 tỷ đồng, đạt 93,4% kế hoạch vốn được giao.

(Chi tiết tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư tại phụ biểu 01)

#### **IV. Tình hình quản lý các chương trình đầu tư công**

##### **1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư**

- Trong năm 2021, trên địa bàn huyện triển khai thực hiện dự án thành phần kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương thuộc Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương tại Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020.

- Các dự án thuộc Chương trình này không phải quyết định chủ trương đầu tư theo điểm d khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công năm 2019.

##### **2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư chương trình**

Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh quyết định đầu tư tại Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021.

##### **3. Tình hình thực hiện các chương trình**

###### **a) Việc quản lý thực hiện chương trình:**

Căn cứ hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1004/SKHĐT-KTN ngày 22/4/2021 về quy trình triển khai chương trình, UBND huyện đã yêu cầu các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn rà soát, đánh giá kết cấu hạ tầng giao thông và kênh mương tại địa phương và đăng ký nhu cầu, kế hoạch sử dụng vốn đúng quy định của từng nguồn vốn trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

**b) Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình:**

Việc lập, thẩm định và quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của UBND các xã, thị trấn được thực hiện theo Luật Đầu tư công 2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các Văn bản hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1004/SKHĐT-KTN ngày 22/4/2021; Sở Giao thông vận tải tại văn bản số 1238/SGTVT-QLKCHTGT ngày 14/6/2021 và Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 2026/SNNPTNT-CCLT ngày 28/6/2021.

- Trong năm 2021, UBND các xã, thị trấn đã phê duyệt 50 công trình khởi công mới lập hồ sơ xây dựng thuộc Chương trình.

###### **c) Tình hình thực hiện chương trình:**

- Giá trị khối lượng thực hiện đầu tư các dự án thành phần trong kỳ: 19,887/20,253 tỷ đồng đạt 98% kế hoạch;

- Tiến độ thực hiện: Đúng kế hoạch đã phê duyệt.



d) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư:

- Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư trong kỳ: 20,253 tỷ đồng;

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư trong kỳ: 19,887 tỷ đồng;

- UBND các xã, thị trấn đã thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm huy động đóng góp từ nhân dân, doanh nghiệp trong vùng đối ứng đầu tư cho các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương theo chủ trương được duyệt để đảm bảo việc giải ngân vốn cho chương trình.

đ) Năng lực tổ chức thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình và việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của chủ dự án thành phần:

Các chủ dự án thành phần được giao quản lý và sử dụng vốn đảm bảo đầy đủ năng lực thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình và chấp hành nghiêm túc quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

**4. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết:** Không.

*(Tình hình thực hiện các Chương trình đầu tư công chi tiết kèm theo phụ biểu 02)*

**V. Tình hình quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước**

**1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.**

Thực hiện Luật Đầu tư công năm 2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, UBND huyện đã tiến hành thẩm định và trình phê duyệt chủ trương đầu tư cho các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo đúng quy định, từ đầu năm 2021 đến nay đã tiến hành thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư cho 03 dự án; thẩm định, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 03 dự án; trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định chủ trương đầu tư 03 dự án.

Công tác xây dựng và giao kế hoạch đầu tư, chuẩn bị đầu tư đối với các dự án có nhiều đổi mới, được công khai, giúp chủ động trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm; khắc phục dần tình trạng đầu tư dàn trải để tập trung vốn cho các công trình trọng điểm.

**2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư.**

Việc lập, thẩm định và quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của UBND huyện được thực hiện theo Luật Đầu tư công 2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan khác. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện đã thực hiện đầy đủ các thủ tục trình thẩm định, phê duyệt dự án đúng quy định.

**3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.**

Công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán được tiến hành đồng thời với việc phê duyệt dự án đầu tư. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán được lập phù hợp với các quy định của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây



dựng và đầu tư công. Cơ quan thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán có đầy đủ chuyên môn và năng lực theo quy định.

#### **4. Tình hình thực hiện các dự án.**

a) Việc quản lý thực hiện dự án:

Các dự án được lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết đúng trình tự, chặt chẽ, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm mục tiêu đầu tư, chất lượng, tiến độ thực hiện, tiết kiệm chi phí và đạt được hiệu quả dự án.

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư:

- Số dự án điều chỉnh trong kỳ: 09 dự án (08 dự án điều chỉnh tổng dự toán, 01 dự án điều chỉnh nguồn vốn đầu tư); nguyên nhân chính: Điều chỉnh cơ cấu chi phí đầu tư trong tổng mức đầu tư và điều chỉnh nguồn vốn theo quy định hiện hành.

- Chất lượng công trình: Các công trình đều thực hiện đầy đủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng; an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư:

Việc bố trí vốn phù hợp với tổng mức đầu tư được duyệt và đảm bảo đủ vốn để thực hiện dự án theo tiến độ; đảm bảo thời gian thực hiện dự án nhóm C không quá 03 năm và được tập trung hơn cho các công trình cấp bách, trọng điểm; ưu tiên cho các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, trường học, các công trình thiết yếu phục vụ dân sinh, văn hóa thôn làng; ưu tiên bố trí vốn cho các công trình chuyển tiếp hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm.

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư của ban quản lý dự án và các nhà thầu:

Công tác quản lý dự án đầu tư và xây dựng tuân thủ theo quy định của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện có năng lực tổ chức thực hiện dự án và chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định về quản lý đầu tư.

Các hợp đồng xây dựng đều được Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện, Chủ đầu tư và các nhà thầu ký kết theo các quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Các nhà thầu được lựa chọn đảm bảo năng lực thực hiện dự án.

#### **5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.**

Công tác kiểm tra, đánh giá trước khi nghiệm thu dự án hoàn thành được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình. Thời gian thi công đảm bảo theo hợp đồng được ký kết. Đơn vị được giao quản lý dự án vận hành, khai thác đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo hiệu quả công trình, dự án theo đúng mục đích và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt.



## **6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giám sát, đánh giá đầu tư của huyện còn có một số tồn tại, hạn chế, đó là:

- Do phạm vi quá rộng (20 đơn vị hành chính cấp xã) nên việc giám sát, đánh giá đầu tư còn gặp nhiều hạn chế, chưa thực hiện kiểm tra, giám sát đầu tư tất cả các dự án trên địa bàn huyện.

- Cán bộ làm công tác giám sát, đánh giá đầu tư của huyện còn thiếu, phải bố trí kiêm nhiệm nhiều vị trí nên công tác giám sát, đánh giá đầu tư đôi lúc chưa kịp thời và đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

- Việc chấp hành chế độ báo cáo của một số chủ đầu tư, đơn vị thực hiện dự án còn chưa được nghiêm túc, chưa chú trọng trong công tác thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư.

- Các biểu mẫu báo cáo bị trùng lặp nội dung và còn khó hiểu, chưa có hướng dẫn phương pháp báo cáo cụ thể và hệ thống giám sát đầu tư công còn chưa phổ biến rộng rãi đến các chủ đầu tư, khó sử dụng trong khi UBND các xã chưa bố trí được cán bộ chuyên trách về đầu tư nên công tác đăng nhập hệ thống, cập nhật thông tin dự án lên hệ thống còn chậm, lúng túng và bị động.

*(Tình hình quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn Nhà nước chi tiết kèm theo phụ biểu 03,06)*

## **VI. Tình hình thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư và cơ quan Nhà nước:**

### **1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.**

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước, Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công và chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư về công tác giám sát, đánh giá đầu tư, UBND huyện đã chỉ đạo các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện, UBND các xã cung cấp thông tin lên hệ thống giám sát đầu tư công đồng thời lập báo cáo giám sát đầu tư gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định hàng quý, năm để tổng hợp và thực hiện chức năng giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư theo quy định.

**2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo:** Đạt yêu cầu.

**3. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ.**

Trong thời gian qua, công tác giám sát, đánh giá đầu tư đã được UBND huyện quan tâm, triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy thực hiện dự án, hoạt động đầu tư xây dựng đúng mục đích, cụ thể:



- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư:

Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư được lập đầy đủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Thời gian thẩm định, phê duyệt các dự án đều tuân thủ với quy định.

- Công tác lựa chọn nhà thầu:

Các gói thầu tư vấn, xây lắp, mua sắm hàng hóa đều tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Công tác đấu thầu đảm bảo công khai, minh bạch; đã tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng 100% đối với các gói thầu chào hàng cạnh tranh và đấu thầu rộng rãi theo lộ trình; các chủ đầu tư đã lựa chọn những nhà thầu có năng lực để thực hiện các gói thầu. Đối với các gói thầu thuộc các dự án, công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu trên địa bàn đã áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng theo đúng quy định.

- Công tác bố trí vốn và thanh toán vốn đầu tư: Việc bố trí vốn phù hợp với tổng mức đầu tư được phê duyệt và đảm bảo đủ vốn để thực hiện dự án theo tiến độ.

- Tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản: Thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công, năm 2015 UBND huyện đã bố trí vốn thanh toán dứt điểm nợ đọng các năm trước, đến nay không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

### **VII. Các đề xuất và kiến nghị:**

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư có kế hoạch tổ chức tập huấn, đào tạo về việc thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ, Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 và Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho các địa phương, đặc biệt là cấp xã nhằm nâng cao năng lực và chuyên môn nghiệp vụ trong công tác này.

Trên đây là báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2021 đối với các dự án đầu tư công trên địa bàn do huyện quản lý thực hiện, UBND huyện báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư biết, tổng hợp.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Vũ Đình Hạnh**



Phụ biểu 01

Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư trong kỳ báo cáo  
(Kèm theo Báo cáo số: **M6** /BC-UBND ngày **24** tháng **02** năm 2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm	Trong đó bố trí trả nợ đọng	Nợ đọng XD/CB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân		Thất thoát, lãng phí được phát
					Giá trị	So với KH(%)	Giá trị	So với KH(%)	
<b>I</b>	<b>Dự án sử dụng vốn nhà nước</b>	107,142	0	0	100,048	93,379	100,048	93,379	0
1	Vốn đầu tư công	107,142	0	0	100,048	93,379	100,048	93,379	0
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	106,635	0	0	99,548	93,354	99,548	93,354	0
a	Vốn NSTW	38,000	0	0	38,000	100,000	38,000	100,000	0
b	Vốn NSDP	68,635	0	0	61,548	89,674	61,548	89,674	0
1.2	Vốn ODA	0	0	0	0	0	0	0	0
1.3	Vốn TP/CP	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	Vốn đầu tư công khác	0,507	0	0	0,500	98,619	0,500	98,619	0
2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vốn khác	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	Trong nước	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Dự án đầu tư theo hình thức PPP</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Vốn đầu tư công tham gia (không tính vào tổng vốn đầu	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Vốn khác (Trong nước)	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3	Vốn khác (Nước ngoài)	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vốn vay	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	Vốn đầu tư công	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Vốn trong nước	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	Vốn nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Dự án sử dụng nguồn vốn khác</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Vốn trong nước	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Vốn nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>VI</b>	<b>Tổng cộng</b>	107,142	0	0	100,048	93,379	100,048	93,379	0
1	Vốn đầu tư công (I.1 + II.1 + II.3.1)	107,142	0	0	100,048	93,379	100,048	93,379	0
2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công (I.2 + II.2.1 + II.3.2)	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vốn khác	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trong nước (I.3.1 + II.2.2 + II.3.3 + III.1)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)	0	0	0	0	0	0	0	0





**Phụ biểu 02**

**Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công**

(Kèm theo Báo cáo số: *M6* /BC-UBND ngày *21* tháng *02* năm 2022 của UBND huyện)

*DVT: Tỷ đồng*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>CTMTQG</b>	<b>CTMT</b>	<b>CTMTĐP</b>
<b>I</b>	<b>Chủ chương trình</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Số lượng	0	0	0
2	Tổng vốn kế hoạch	0	0	0
3	Giá trị thực hiện	0	0	0
4	Giá trị giải ngân	0	0	0
<b>II</b>	<b>Chủ dự án thành phần</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Số lượng	0	0	0
2	Tổng vốn kế hoạch	0	0	0
3	Giá trị thực hiện	0	0	0
4	Giá trị giải ngân	0	0	0
	<b>Chủ đầu tư dự án thuộc các chương</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>trình</b>			
1	Số lượng	0	1	50
2	Tổng vốn kế hoạch	0	38,000	20,253
3	Giá trị thực hiện	0	38,000	19,887
4	Giá trị giải ngân	0	38,000	19,887















Phụ biểu 06

Tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng

(Kèm theo Báo cáo số: 116 /BC-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2022 của UBND huyện)

STT	Nội dung	Tổng số dự án đầu tư	Trong đó:		
			Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ trực tiếp cho xã	Dự án đầu tư công; dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo hình thức PPP	Dự án sử dụng vốn khác
1	Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn	50	50	0	0
2	Tổng số dự án cộng đồng đã được giám sát, trong đó:	50	50	0	0
-	- Đúng quy định	50	50	0	0
-	- Có vi phạm	0	0	0	0
-	- Chưa xác định được	0	0	0	0
3	Tổng số dự án cộng đồng chưa được giám sát, trong đó:	0	0	0	0
-	- Do các cơ quan chưa công khai thông tin	0	0	0	0
-	- Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin	0	0	0	0
-	- Lý do khác	0	0	0	0
4	Tổng số dự án cộng đồng đã phản ánh có vi phạm	0	0	0	0
-	- Đã có thông báo kết quả xử lý	0	0	0	0
-	- Chưa có thông báo kết quả xử lý	0	0	0	0
5	Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo	0	0	0	0



## PHỤ LỤC 1

## DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM A, B, C SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: M6 /BC-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2022 của UBND huyện)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (ghi rõ các nguồn vốn, nếu nguồn kết hợp cần ghi rõ tỷ lệ % theo từng nguồn)	Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2021 (tỷ đồng)	Lũy kế giá trị giải ngân đến 31/12/2021 (tỷ đồng)	Kế hoạch vốn năm 2022	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư
	<b>Tổng số</b>		<b>304,011</b>		<b>99,498</b>	<b>99,498</b>	<b>38,489</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn ngân sách nhà nước</b>		<b>303,478</b>		<b>98,998</b>	<b>98,998</b>	<b>38,489</b>	
	<b>Dự án nhóm A</b>							
	<b>Dự án nhóm B</b>		<b>80,000</b>				<b>0,000</b>	
<b>I</b>	<b>Dương liên xã Ia Bang - Ia Vê</b>	UBND huyện	80,000	Ngân sách Trung ương	38,000	38,000	0,000	Có thực hiện
	<b>Dự án nhóm C</b>		<b>223,478</b>		<b>60,998</b>	<b>60,998</b>	<b>38,489</b>	
<b>1</b>	<b>Dương Phan Bội Châu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (Hạng mục: Cầu bê tông cốt thép và các hạng mục phụ)</b>	UBND huyện	14,500	Ngân sách tỉnh	8,000	8,000	6,500	Có thực hiện
<b>2</b>	<b>Trường Mẫu giáo Hòa Bình</b>	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	4,740	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	0,217	0,217	0,000	Có thực hiện
<b>3</b>	<b>Trường Tiểu học Trưng Vương</b>	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	6,950	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	0,283	0,283	0,000	Có thực hiện
<b>4</b>	<b>Trường Mẫu giáo Hòa Mi</b>	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	6,160	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	0,273	0,273	0,000	Có thực hiện
<b>5</b>	<b>Trường Tiểu học Anh Hùng Nấp</b>	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	7,580	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	0,323	0,323	0,000	Có thực hiện
<b>6</b>	<b>Trường THCS Kpá Klong</b>	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	7,000	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	0,283	0,283	0,000	Có thực hiện
<b>7</b>	<b>Đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan quản sự cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện</b>	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	4,800	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	0,207	0,207	2,471	Có thực hiện
<b>8</b>	<b>Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư khu vực I, thị trấn Chư Prông</b>	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	0,484	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	0,134	0,134	0,000	Có thực hiện



9	Mở rộng đường Hùng Vương giai đoạn 2 (Km 4+400-:Km6+796)	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	14,950	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	5,592	5,592	0,000	Có thực hiện
10	Trường Mẫu giáo Âu Cơ	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	4,800	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	1,859	1,859	2,604	Có thực hiện
11	Trường Mẫu giáo Bình Minh	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	5,222	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	2,490	2,490	2,435	Có thực hiện
12	Trường Tiểu học Ngô Mây	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	4,445	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	1,740	1,740	2,535	Có thực hiện
13	Trường TH Hoàng Hoa Thám	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	9,000	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	3,820	3,820	4,330	Có thực hiện
14	Trường TH Bùi Thị Xuân	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	5,000	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	2,200	2,200	2,600	Có thực hiện
15	Trường THCS Nguyễn Trãi	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	5,000	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	2,200	2,200	2,600	Có thực hiện
16	Nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn huyện	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	7,000	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	3,280	3,280	3,520	Có thực hiện
17	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	1,340	Ngân sách huyện (nguồn tỉnh phân cấp huyện đầu tư)	1,286	1,286	0,000	Có thực hiện
18	Đường giao thông, hệ thống điện các khu quy hoạch xã Bàu Cạn	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	14,000	Nguồn thu tiền sử dụng đất	0,000	0,000	0,000	Có thực hiện
19	Công viên cây xanh ven hồ thị trấn Chư Prông	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	14,700	Nguồn thu tiền sử dụng đất	0,100	0,100	0,000	Có thực hiện
20	Quảng trường huyện Chư Prông	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	24,369	Nguồn thu tiền sử dụng đất	4,547	4,547	0,000	Có thực hiện
21	Trường THCS Chu Văn An	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	14,500	Nguồn thu tiền sử dụng đất	0,200	0,200	8,694	Có thực hiện
22	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Ban Quản lý dự án DTXD huyện	13,600	Nguồn thu tiền sử dụng đất	0,200	0,200	0,200	Có thực hiện
23	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Chư Prông	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2,571	Nguồn thu tiền sử dụng đất	1,800	1,800	0,000	Có thực hiện



24	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng chợ thị trấn và khu dân cư tổ dân phố 3, thị trấn Chư Prông	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	0,967	Nguồn thu tiền sử dụng đất	0,078	0,078	0,000	Có thực hiện
25	Đường giao thông thôn Yên Mê	UBND xã Ia Mê	0,241	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
26	Đường giao thông làng Nờr 1	UBND xã Ia Mê	0,319	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
27	Đường giao thông làng Quen	UBND xã Ia Mê	0,222	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
28	Đường giao thông làng Xom	UBND xã Ia Mê	1,869	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
29	Đường giao thông làng Nờr 3	UBND xã Ia Mê	0,249	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
30	Đường giao thông thôn Xuân Mê 2	UBND xã Ia Mê	0,630	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
31	Đường giao thông thôn 1, thôn Nhom Hà, thôn 4, làng Ó Kiy	UBND xã Ia Tôr	0,752	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
32	Đường giao thông thôn Đông Hải	UBND xã Ia Vê	0,802	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
33	Đường giao thông thôn Tân Thủy	UBND xã Ia Vê	0,216	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
34	Đường giao thông thôn An Hòa	UBND xã Ia Drang	0,442	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
35	Đường giao thông thôn Hợp Thắng	UBND xã Ia Drang	0,944	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
36	Đường giao thông thôn Đức Nghĩa	UBND xã Ia Drang	0,502	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
37	Đường giao thông thôn Đức Nghĩa (nhánh 1)	UBND xã Ia Drang	1,019	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
38	Đường giao thông thôn Đức Nghĩa (nhánh 2)	UBND xã Ia Drang	1,019	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
39	Đường GTNT làng Tnao	UBND xã Ia Bông	0,324	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
40	Hẻm đường 30 tháng 4	UBND Thị trấn	1,025	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
41	Hẻm đường Hùng Vương (thêm vỏ quán Gió Chiểu)	UBND Thị trấn	0,455	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
42	Đường sau lưng trung tâm GDNN-GDTX	UBND Thị trấn	0,817	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
43	Đường quy hoạch số 17	UBND Thị trấn	0,442	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện



44	Hẻm Nguyễn Văn Trỗi	UBND Thị trấn	0,103	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
45	Đường giao thông thôn Thanh Bình	UBND xã Bình Giáo	0,977	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
46	Đường giao thông làng Mũi	UBND xã Bình Giáo	0,687	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
47	Đường giao thông nội đồng thôn 4, 6	UBND xã Thăng Hưng	0,691	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
48	Đường giao thông nội đồng thôn 4	UBND xã Thăng Hưng	0,334	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
49	Đường GTNT thôn 1, 4	UBND xã Thăng Hưng	0,764	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
50	Đường giao thông nội đồng làng Kìa (khu cao su đội 16)	UBND xã Ia Kly	0,235	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
51	Đường giao thông nội đồng làng Kìa (đường đi suối Lân)	UBND xã Ia Kly	0,346	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
52	Đường giao thông thôn Hưng Tiến	UBND xã Ia Phin	0,189	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
53	Đường giao thông thôn Grang (nhánh 1, 2)	UBND xã Ia Phin	0,698	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
54	Đường giao thông thôn Grang (nhánh 3,4,5,6)	UBND xã Ia Phin	0,881	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
55	Đường giao thông thôn Grang 1	UBND xã Ia Phin	0,770	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
56	Đường GTNT thôn Bình An	UBND xã Bầu Cạn	0,121	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
57	Đường GTNT thôn Đoàn Kết	UBND xã Bầu Cạn	0,663	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
58	Đường GTNT thôn Đồng Tâm	UBND xã Bầu Cạn	0,899	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
59	Đường GTNT thôn Phú Tân	UBND xã Ia Băng	1,652	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
60	Đường GTNT làng Klah Băng	UBND xã Ia Băng	0,846	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
61	Đường giao thông nông thôn thôn Thống Nhất	UBND xã Ia Ga	0,103	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
62	Đường giao thông nông thôn thôn Đồng Tâm	UBND xã Ia Ga	0,158	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
63	Đường giao thông thôn 8	UBND xã Ia Pior	0,582	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện



64	Đường giao thông làng Mè	UBND xã Ia Pior	0,283	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
65	Đường giao thông thôn 6	UBND xã Ia Pior	0,809	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
66	Đường GTNT làng Hát (trục thôn làng Hát)	UBND xã Ia Pia	0,276	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
67	Đường GTNT làng Hát (đường đi nhà mồ làng Hát)	UBND xã Ia Pia	0,276	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
68	Đường GTNT làng Xom Pốt (đường ngang lô 2 làng Xom Pốt)	UBND xã Ia Pia	0,395	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
69	Đường GTNT làng Xom Pốt (Đường đi nhà mồ làng Pốt cũ)	UBND xã Ia Pia	0,537	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
70	Đường GTNT làng Xom Pốt (đường vào nhà mồ mới làng Xom cũ)	UBND xã Ia Pia	0,382	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
71	Đường GTNT làng Lú (đường vào làng Lú cũ)	UBND xã Ia Pia	1,065	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
72	Đường GTNT làng Lú (đường xuống suối Tờ)	UBND xã Ia Pia	0,547	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
73	Đường GTNT làng Lú (đường qua nhà ông Ai - ông Bường)	UBND xã Ia Pia	0,682	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	1	1	0,000	Có thực hiện
74	Kênh Phó Hiến	UBND xã Ia Lâu	0,561	Ngân sách tỉnh 52% và ngân sách huyện 48%	0	0	0,000	Có thực hiện
<b>VIII</b>	<b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư</b>		<b>0,533</b>		<b>0,500</b>	<b>0,500</b>	<b>0,000</b>	
	Dự án nhóm A							
	Dự án nhóm B							
<b>I</b>	<b>Dự án nhóm C</b>		<b>0,533</b>		<b>0,500</b>	<b>0,500</b>	<b>0,000</b>	
2	Trường Mẫu giáo Hoa Pơ Lang	Trường Mẫu giáo Hoa Pơ Lang	0,533	Nguồn vốn hợp pháp khác	0,500	0,500	0,000	Có thực hiện

*Chú thích:* Các mục I, II,... trong bảng lần lượt là: (I) Vốn ngân sách nhà nước (gồm: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu; Vốn ngân sách địa phương), (II) vốn ODA; (III) vốn trái phiếu Chính phủ; (IV) vốn chương trình mục tiêu quốc gia; (V) vốn tỉnh dùng đầu tư phát triển của nhà nước; (VI) vốn tin dụng do nhà nước bảo lãnh; (VII) vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; (VIII) các nguồn vốn khác của Nhà nước... Mỗi nguồn vốn được chia thành danh mục các dự án thuộc nhóm A, B, C theo quy định.